CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội

Ngày 30/09/2025	14,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	**-2.7%**	**-4.6%**

DT thuần
Q3/25
112
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00| -1.7%
YoY: ▲ 12.2| 12.3%

LN thuần
Q3/25
6.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.05| 18.7%
YoY: ▼0.80| -10.7%

LN sau thuế
Q3/25
5.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.67| 14.7%
YoY: ▲ 0.03| 0.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.9%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM)
Q3/25
13.0%
YoY: +/-▼ 0.4%

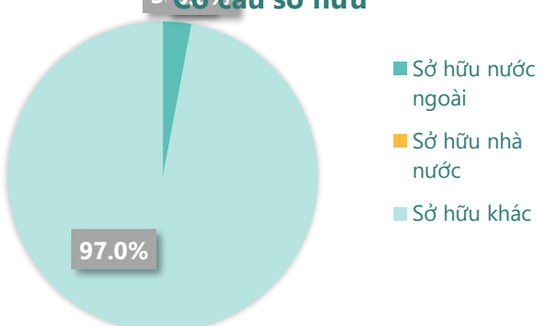
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,722 - 16,173
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
Số lượng CPLH (CP)	12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,955
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.63
EPS	2,043
P/E	7.0

DT thuần
9T 2025
326
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0| 10.7%

LN thuần
9T 2025
18.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.80| 18.0%

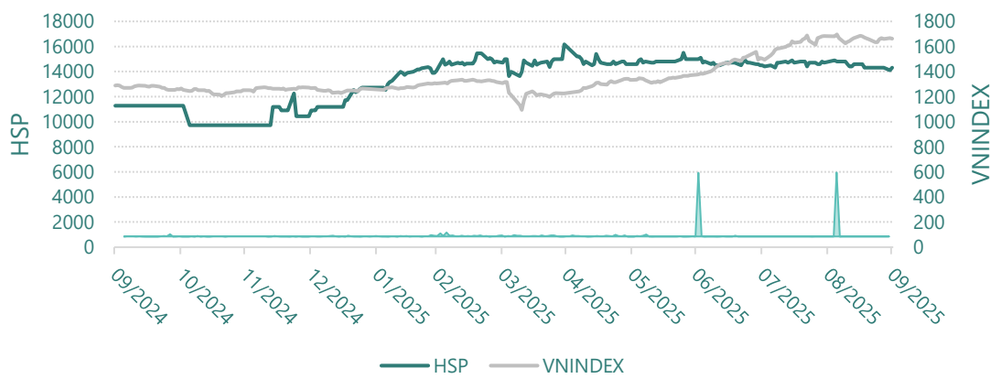
LN sau thuế
9T 2025
14.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90| 25.1%

Cơ cấu sở hữu

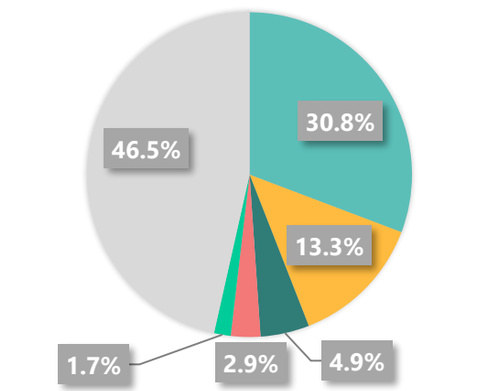


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



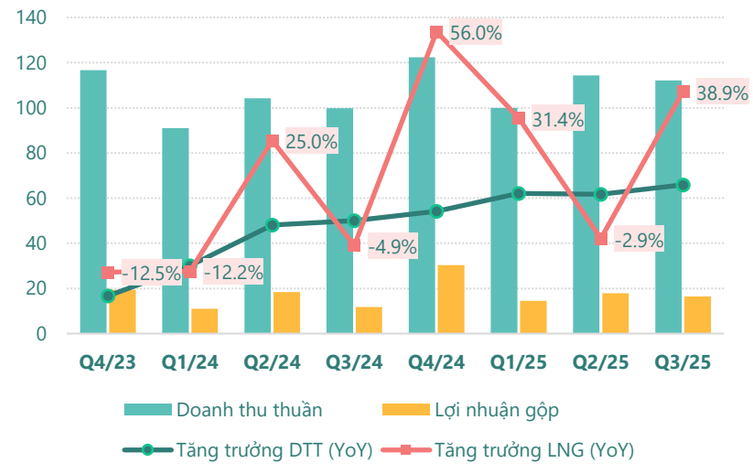
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

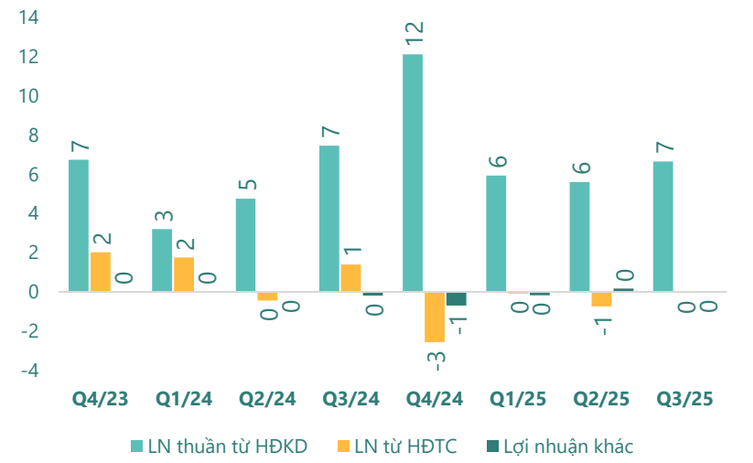
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



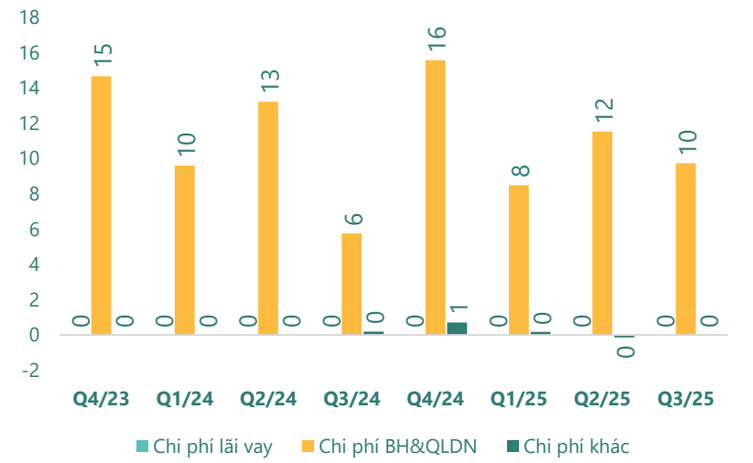
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



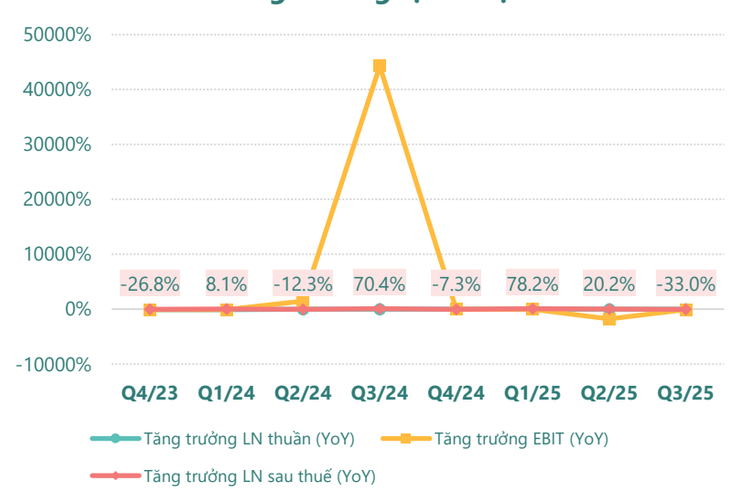
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



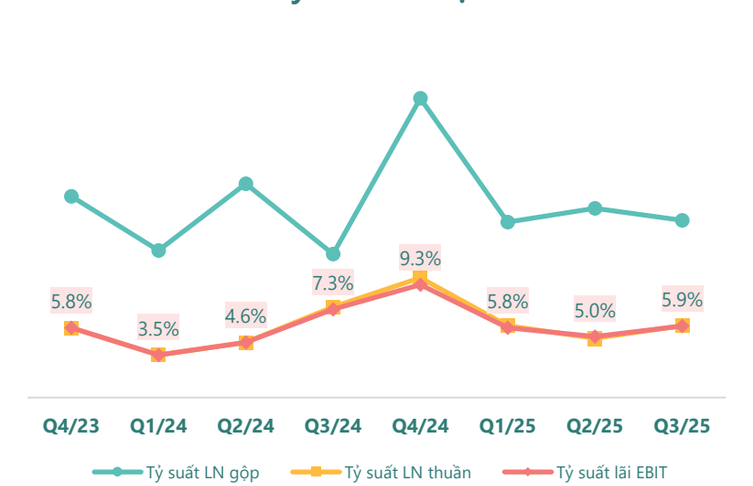
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



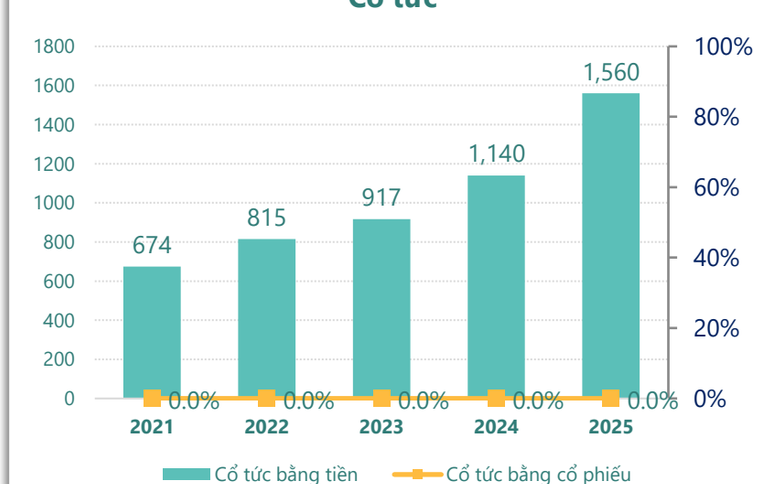
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

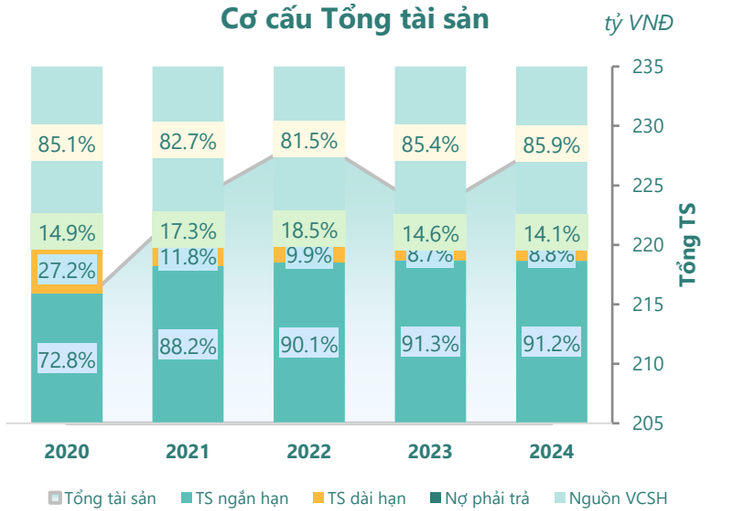
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

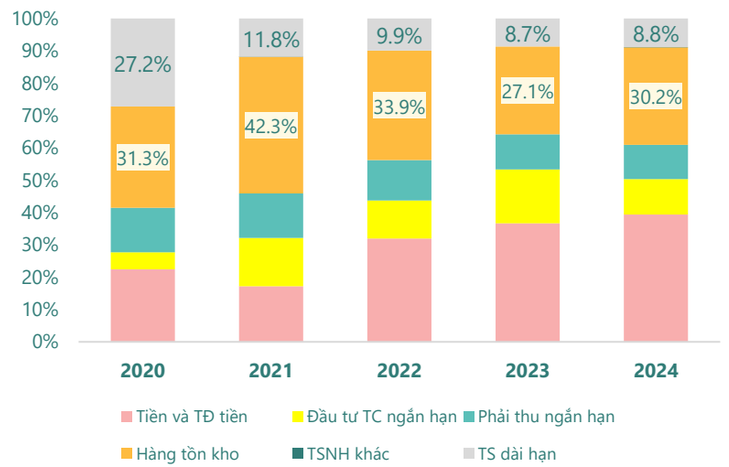
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



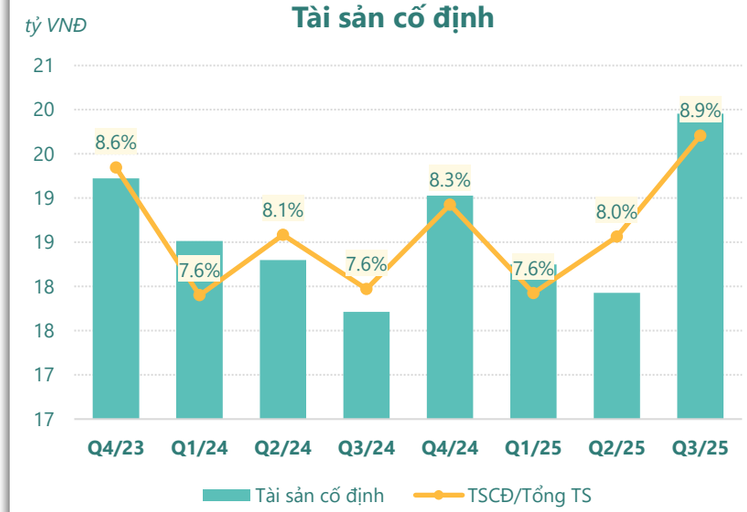
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



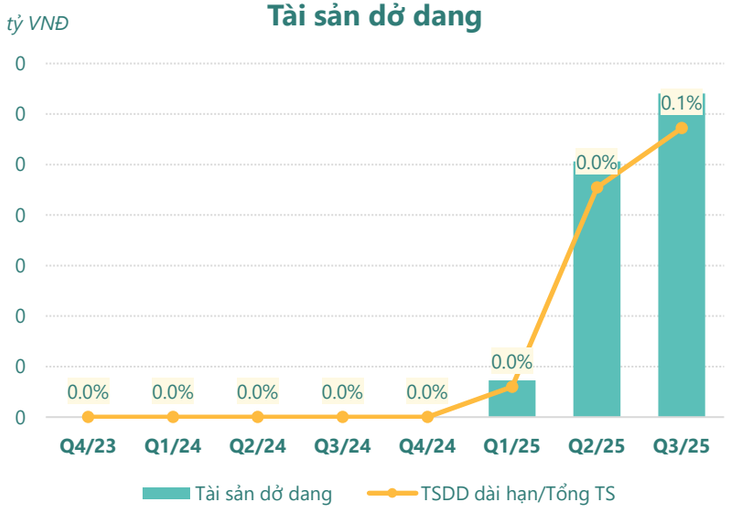
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



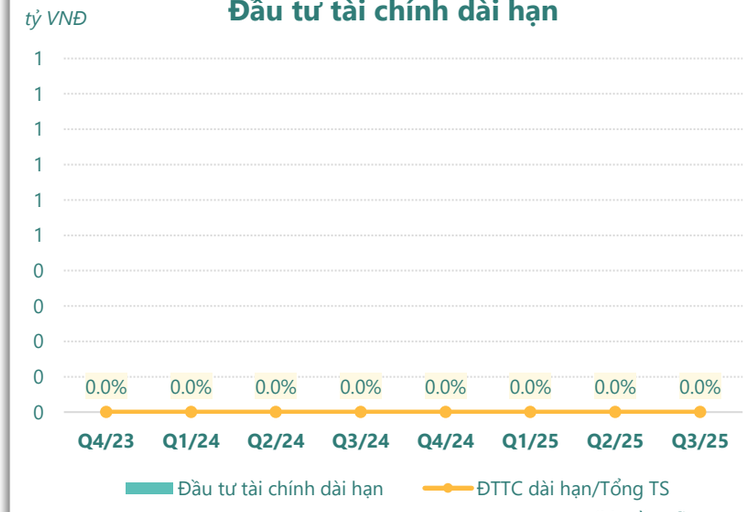
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



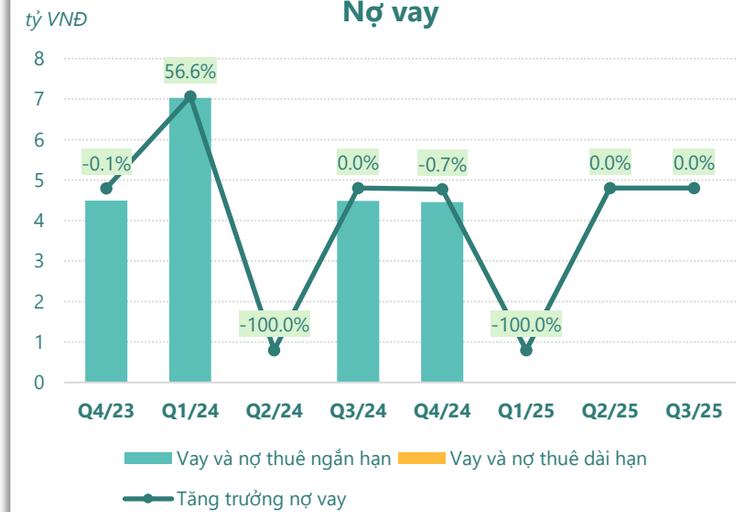
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

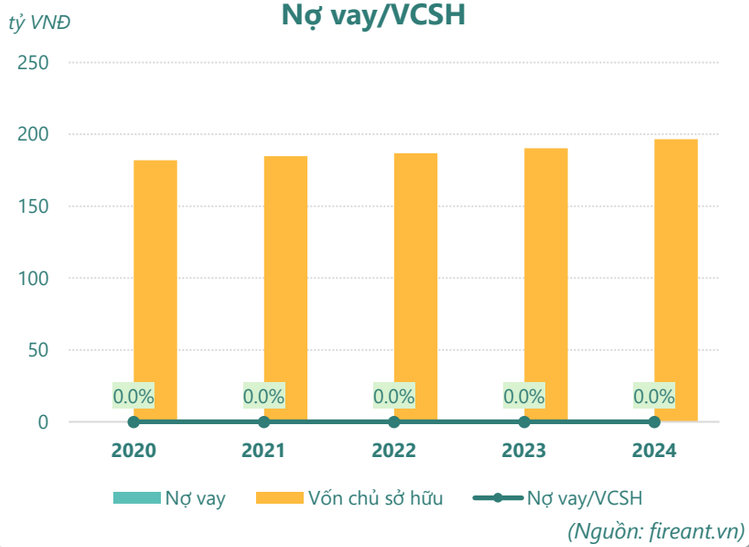
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

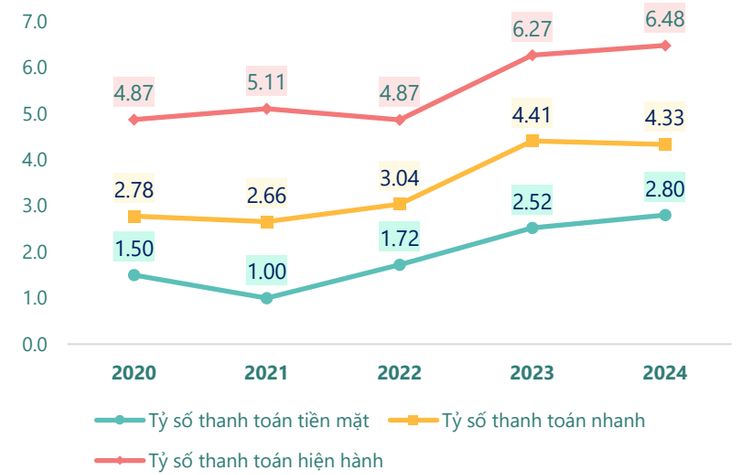
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



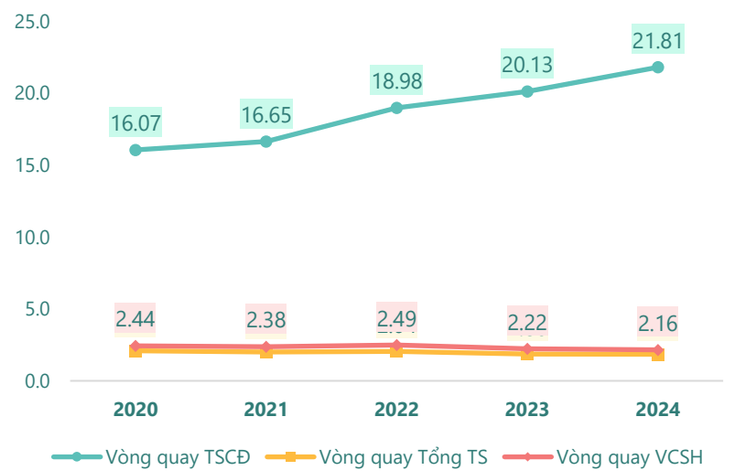
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



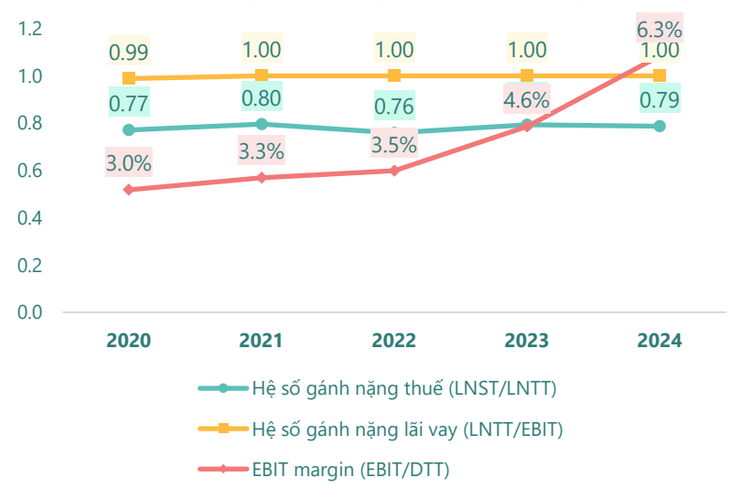
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



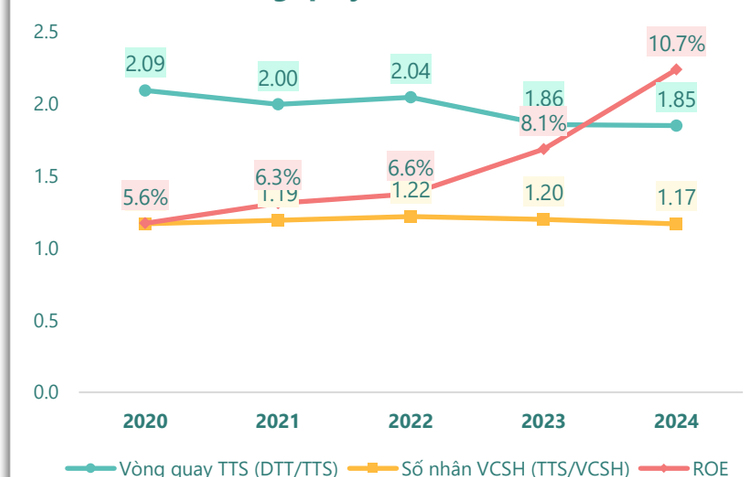
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



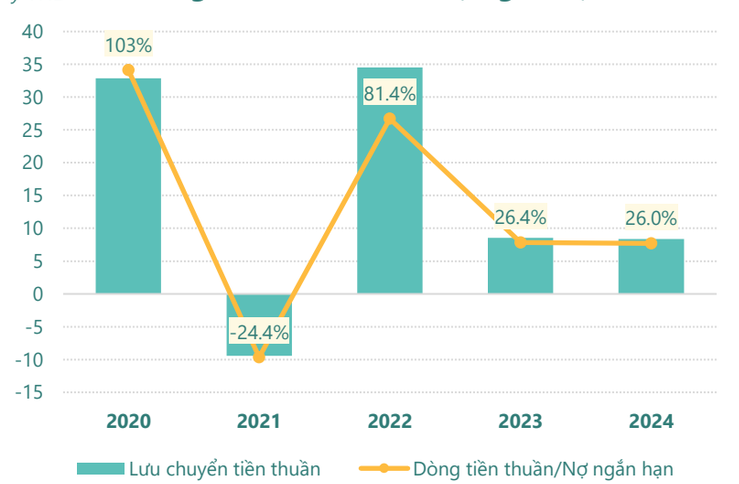
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**112**	**99.8**	**12.3%**	**326**	**295**	**10.7%**
Giá vốn hàng bán	95.7	87.9	8.8%	278	254	9.4%
Lợi nhuận gộp	16.4	11.8	39.3%	48.8	41.3	18.2%
Doanh thu HĐTC	0.71	1.39	-48.6%	2.05	2.70	-23.9%
Chi phí TC	0.76	0.00		2.93	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.41	2.45	-1.6%	10.2	9.17	11.3%
Chi phí QLDN	**7.32**	**3.31**	**121%**	**19.6**	**19.4**	**0.7%**
LN thuần từ HĐKD	6.66	7.46	-10.7%	18.2	15.4	18.0%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.19**	**84.8%**	**-0.04**	**-0.20**	**82.4%**
LN trước thuế	6.63	7.27	-8.8%	18.2	15.2	19.4%
Lợi nhuận sau thuế	**5.26**	**5.23**	**0.7%**	**14.4**	**11.5**	**25.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.26**	**5.23**	**0.7%**	**14.4**	**11.5**	**25.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-34.1	23.9	-7.84	10.8	-4.95	0.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.66	0.22	6.16	-5.08	0.14	-1.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-15.8	0	-18.2	0
Tiền đầu kỳ	100	56.5	80.6	63.1	68.8	45.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-43.8**	**24.1**	**-17.5**	**5.70**	**-23.0**	**-0.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	56.5	80.6	63.1	68.8	45.8	45.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**224**	**229**	**-2.1%**
Tài sản ngắn hạn	203	209	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	45.1	90.1	-50.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	25.0	132%
Phải thu ngắn hạn	39.9	24.3	64.4%
Hàng tồn kho	60.0	69.1	-13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.12	-100.0%
Tài sản dài hạn	**21.1**	**20.2**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.0	19.0	4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.13	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.02**	**1.21**	**-15.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.8	32.2	2.0%
Nợ ngắn hạn	**32.8**	**32.2**	**2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.6	7.84	60.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**191**	**197**	**-2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**191**	**197**	**-2.7%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)